

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 10 - 2021

“V/v: Ly hôn và
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hồ Tùng Mận
- Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2021, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phùng Thị Diệu H – sinh năm 1980 (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã HT, thành phố B, Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H1 – sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn y, xã HT, thành phố B, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phùng Thị Diệu H trình bày:**

Tôi và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn từ năm 2006, chúng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Minh V – sinh năm 2006 và cháu Nguyễn Ngọc Phương Tr – sinh năm 2008. Chúng tôi chỉ hòa thuận được 2 năm đầu, đến năm

2008 thì phát sinh mâu thuẫn, xung đột trong gia đình cho dù tôi đã cố gắng hàn gắn gia đình nhưng không được, lý do anh hay chơi, ham mê cờ bạc, còn tôi sau khi sinh con thứ 2 tôi đã mắc căn bệnh không thể đáp ứng cho chuyện sinh hoạt vợ chồng, chính hai lý do đó mà gia đình tôi không thể tiếp tục sống với nhau nữa.

Về con chung tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung đến khi trưởng thành, tôi không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 không tham gia tố tụng tại Tòa án

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Phùng Thị Diệu H và ông Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 07/3/2006, quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông H1 và đề nghị được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phùng Thị Diệu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H1, có địa chỉ tại thành phố B, vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn H1 tuy nhiên ông H1 vắng mặt, bà Phùng Thị Diệu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H1, bà H theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Diệu H và ông Nguyễn Văn H1 tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 07/3/2006), đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, bà H xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H1 không còn.

Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà H, ông H1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà H yêu cầu ly hôn với ông H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về con chung: Bà Phùng Thị Diệu H và ông Nguyễn Văn H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Minh V – sinh ngày 01/10/2006 và cháu Nguyễn Ngọc Phương Tr – sinh ngày 16/02/2008. Hiện nay đang được bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tinh thần và xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của các cháu, cũng như nguyện vọng của các cháu muốn ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao các cháu Tr, V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Nguyễn Văn H1 có quyền và nghĩa vụ thăm non, chăm sóc con chung không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Phùng Thị Diệu H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Phùng Thị Diệu H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phùng Thị Diệu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 241; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị Diệu H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Diệu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Minh V – sinh ngày 01/10/2006 và cháu Nguyễn Ngọc Phương Tr – sinh ngày 16/02/2008 cho bà Phùng Thị Diệu H nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Văn H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Phùng Thị Diệu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0004021 ngày 12/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP BMT;
- UBND xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự